

# PKF

Chartered Accountants  
& Business advisers

## CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009

**PKF INTERNATIONAL**

**PKF VIETNAM AUDITING COMPANY LIMITED**

NO 45 - 6 TRUNG YEN 14 ROAD \* TRUNG YEN NEW URBAN \* CAU GIAY DISTRICT \* HANOI  
TEL: (84.4) 3 783 3911 / 12 / 13 \* FAX: (84.4) 3 783 3914 \* WWW.PKF.COM.VN

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN PKF VIỆT NAM**

**CÔNG TY CP THỦY SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009**

MỤC LỤC	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 22

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung:

Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty thủy sản và thương mại Thuận Phước, chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3203001489 đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 29/06/2007, thay đổi lần thứ 1 ngày 07/05/2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

### 2. Thành viên Hội đồng quản trị; Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Các thành viên của Hội đồng quản trị Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

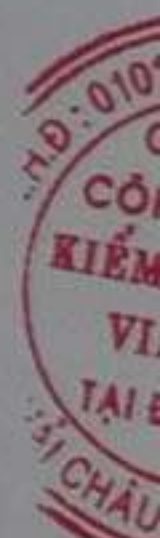
Họ tên	Chức vụ	Số CP
Ông Trần Văn Lĩnh - Đại diện phần vốn góp nhà nước	Chủ tịch HĐQT	1210.800
Bà Nguyễn Thị Phi Anh - Đại diện phần vốn góp nhà nước	Thành viên	520.500
Ông Trương Nguyên	Thành viên	45.689
Bà Dương Thị Tuyết Hằng	Thành viên	22.776
Ông Võ Hồng Sơn	Thành viên	71.800

#### Ban giám đốc và kế toán trưởng

Ông Trần Văn Lĩnh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phi Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Hà	Kế toán trưởng

### 3. Hoạt động chính:

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng thủy sản đông lạnh, nông sản thực phẩm và thực phẩm công nghệ. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào đáng kể làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cho phép.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN PHƯỚC**

Địa chỉ: Khu CNDV thủy sản Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:**

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm. Trong đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

	Đơn vị: VND
Doanh thu thuần	626.189.273.045
Lợi nhuận sau thuế	24.738.940.002

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ:**

Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán:**

Công ty TNHH Kiểm toán PKF Việt Nam (PKF) - Chi nhánh Đà Nẵng đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính:**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cũng nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2010

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



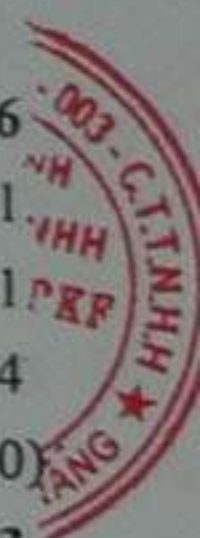
*Trần Văn Linh*  
**Trần Văn Linh**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>148.961.189.517</b>	<b>144.892.209.879</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>16.703.509.779</b>	<b>8.960.128.510</b>
1. Tiền	111	V.01	16.703.509.779	8.960.128.510
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.541.539.100</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	8.541.539.100	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.547.460.410</b>	<b>47.595.328.436</b>
1. Phải thu khách hàng	131		54.476.051.066	44.059.514.081
2. Trả trước cho người bán	132		3.570.374.570	1.409.478.601
5. Các khoản phải thu khác	138	V.03	2.504.694.774	2.129.995.754
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3.660.000)	(3.660.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>60.374.829.022</b>	<b>85.119.178.523</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	61.579.829.022	85.883.178.523
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.205.000.000)	(764.000.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.793.851.206</b>	<b>3.217.574.410</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	26.919.905
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.257.705.987	2.027.842.248
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	549.967.974
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		536.145.219	612.844.283
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>99.156.424.855</b>	<b>89.328.762.844</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>96.974.137.676</b>	<b>86.716.154.514</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	80.452.056.765	85.189.316.124
- Nguyên giá	222		104.346.968.520	100.858.284.334
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(23.894.911.755)	(15.668.968.210)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.469.075	26.761.175
- Nguyên giá	228		30.584.200	30.584.200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(19.115.125)	(3.823.025)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	16.510.611.836	1.500.077.215
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.12	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>200.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		200.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.982.287.179</b>	<b>2.612.608.330</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.982.287.179	2.612.608.330
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>248.117.614.372</b>	<b>234.220.972.723</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Tiếp theo)				Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>176.805.633.649</b>	<b>175.422.827.264</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>128.504.510.122</b>	<b>128.017.936.641</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	76.027.525.015	112.106.278.271	
2. Phải trả người bán	312		5.703.647.047	8.862.400.076	
3. Người mua trả tiền trước	313		17.825.939	30.000.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4.136.451.485	25.454.266	
5. Phải trả người lao động	315		10.303.863.700	1.668.329.886	
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.797.864.878	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	30.517.332.058	5.325.474.142	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.301.123.527</b>	<b>47.404.890.623</b>	
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	47.939.306.698	47.269.269.821	
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		361.816.829	135.620.802	
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-	
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71.311.980.723</b>	<b>58.798.145.459</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>67.440.687.687</b>	<b>58.417.989.732</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.663.000.000	54.663.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.091.785.820	1.091.785.820	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.249.796.467	-	
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(4.234.000)	(4.234.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(773.980.150)	-	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.634.153.254	2.318.450.719	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.580.166.296	348.987.193	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3.871.293.036</b>	<b>380.155.727</b>	
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		3.871.293.036	380.155.727	
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-	
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>248.117.614.372</b>	<b>234.220.972.723</b>	